

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /2022/QĐST-HNGĐ

Tân s, ngày 21 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/07/2022 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu Cường Th, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Bị đơn: Anh **Hà Quang Q**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu Cường Th, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân S, tỉnh Ph.

- Ông Nguyễn Việt T; Phó giám đốc (Đại diện).

+ Địa chỉ: xã Tân Ph, huyện Tân S, tỉnh Ph.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Tân S, tỉnh Ph.

- Ông: Nguyễn Văn Ph; Phó giám đốc (Đại diện).

+Địa chỉ: xã Tân Ph, huyện Tân S, tỉnh Ph.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

+ Địa chỉ: Khu Tân L, xã Mỹ Th, huyện Tân S, tỉnh Ph

4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968.

+ Địa chỉ: Khu D 2, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph

5. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1980.

+ Địa chỉ: Khu Ch, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph

- Căn cứ vào các điều 212, 213 và khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH - 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/07/2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 07 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo

đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Hà Quang Q đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai anh, chị xin được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Quang H, sinh ngày 14/8/2007, cháu Hà Quang L, sinh ngày 28/02/2014. Sau khi ly hôn Chị O, anh Q đều thống nhất thoả thuận: Giao cháu Hà Quang H, sinh ngày 14/8/2007 cho chị Nguyễn Thị O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi thành niên. Giao cháu Hà Quang L, sinh ngày 28/02/2014 cho anh Quang Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị O, anh Q tự thoả thuận chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ theo biên bản thoả thuận ngày 07/7/2022 trước khi Tòa án tiến hành hòa giải cụ thể như sau:

- Giao cho chị Nguyễn Thị O được sở hữu, sử dụng và định đoạt toàn bộ tài sản bao gồm: Diện tích đất ở là 168m² tại thửa số 55-4; tờ bản đồ số 16, tại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BK235851 đứng tên Hà Quang Q và Nguyễn Thị O do UBND huyện Tân S cấp ngày 23/7/2012; Tọa lạc tại khu Cường Th 2, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph, được sử dụng 01 căn nhà cấp 4 (diện tích sử dụng 100m²) xây dựng trên diện tích đất nêu trên; và 01Tivi; 01tủ lạnh; 01máy giặt, 01 bộ bàn ghế uống nước.

- Chị Nguyễn Thị O có trách nhiệm trả nợ gồm:

+ Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Tân S, tỉnh Ph số tiền gốc là 300.000.000đ. (Ba trăm triệu đồng) Trong đó: (250.000.000 đồng vay qua thẻ chấp giấy Chứng nhận QSDĐ và 50.000.000đ vay thấu chi qua lương) và số tiền lãi cho đến khi trả hết nợ.

+ Trả nợ cho chị Hoàng Thị T số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

+ Trả nợ cho cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

* Giao cho anh Hà Quang Q được sở hữu, sử dụng và định đoạt tài sản bao gồm: 01 thửa đất với tổng diện tích 1324 m² tại thửa đất số 48; tờ bản đồ 61 (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tọa lạc tại khu Ch, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph và được sử dụng 01 nhà sàn 03 gian, các công

trình xây dựng bao gồm chuồng, trại chăn nuôi và các công trình phụ trợ khác trên thửa đất nói trên;

- Anh Hà Quang Q có trách nhiệm trả nợ gồm:

+ Trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tân S, tỉnh Ph số tiền gốc 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ.

+ Trả nợ cho chị Nguyễn Thị B số tiền gốc là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng).

4. Về công sức: Hai bên không đóng góp gì cho hai gia đình nên không đề nghị tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chi Nguyễn Thị O tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị O đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0007427 ngày 01/07/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Ph.

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị O số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Thạch K
- Các đương sự;
- Lu HS + VP.

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang